TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N4 VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 99/2019/DS-PT
Ngày: 26-7-2019
"V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hoàng Khải

Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Luông

Bà Trịnh Thị Bích Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Thanh Quyền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang***: Bà Nguyễn Thị Phương Lan - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong ngày 26 tháng 7 năm 2019, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 89/2019/TLPT-DS ngày 28 tháng 02 năm 2019 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2018/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân thị xã NB, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 157/2019/QĐ-PT ngày 28 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Ông Lê Văn H1; Địa chỉ: ấp Xẻo Vông A, xã Hiệp Lợi, thị xã NB, tỉnh Hậu Giang

2. Ông Bùi Hoàng T1; Địa chỉ: ấp Xẻo Vông A, xã Hiệp Lợi, thị xã NB, tỉnh Hậu Giang

3. Bà Lê Thị L1; Địa chỉ: ấp Xẻo Vông A, xã Hiệp Lợi, thị xã NB, tỉnh Hậu Giang

4. Bà Cao Thị H2; Địa chỉ: ấp Xẻo Vông A, xã Hiệp Lợi, thị xã NB, tỉnh Hậu Giang

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Lê Thị Y; Địa chỉ: ấp Xẻo Vông A, xã Hiệp Lợi, thị xã NB, tỉnh Hậu Giang – văn bản ủy quyền ngày 28/7/2017.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Văn H1: Ông Ngô Nhật L3 – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hậu Giang.

Bị đơn:

1/ Ông Bùi Văn N2; Địa chỉ: ấp Xẻo Vông A, xã Hiệp Lợi, thị xã NB, tỉnh Hậu Giang

Người đại diện theo ủy quyền của ông Bùi Văn N2: Bà Mai Thị H3; Địa chỉ: ấp Xẻo Vông A, xã Hiệp Lợi, thị xã NB, tỉnh Hậu Giang – văn bản ủy quyền ngày 20/10/2017.

2/ Bà Mai Thị H3; Địa chỉ: ấp Xẻo Vông A, xã Hiệp Lợi, thị xã NB, tỉnh Hậu Giang

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Bùi Thanh Đ1; Địa chỉ: ấp Xẻo Vông A, xã Hiệp Lợi, thị xã NB, tỉnh Hậu Giang

Người đại diện theo ủy quyền của ông Bùi Thanh Đ1: Bà Mai Thị H3; Địa chỉ: ấp Xẻo Vông A, xã Hiệp Lợi, thị xã NB, tỉnh Hậu Giang – văn bản ủy quyền ngày 20/10/2017.

2/ Ủy ban nhân dân thị xã NB, tỉnh Hậu Giang; Địa chỉ: khu hành chính thị xã NB, tỉnh Hậu Giang

Người làm chứng:

1/ Ông Phan Trung S1; Địa chỉ: ấp Xẻo Vông A, xã Hiệp Lợi, thị xã NB, tỉnh Hậu Giang

2/ Bà Nguyễn Ngọc C1; Địa chỉ: ấp Xẻo Vông A, xã Hiệp Lợi, thị xã NB, tỉnh Hậu Giang

3/ Bà Lê Thị B1; Địa chỉ: ấp Xẻo Vông A, xã Hiệp Lợi, thị xã NB, tỉnh Hậu Giang

4/ Ông Bùi Tấn L4; Địa chỉ: ấp Xẻo Vông A, xã Hiệp Lợi, thị xã NB, tỉnh Hậu Giang

5/ Ông Nguyễn Hữu N4; Địa chỉ: ấp Xẻo Vông A, xã Hiệp Lợi, thị xã NB, tỉnh Hậu Giang

6/ Ông Nguyễn Huy H5; Địa chỉ: ấp Xẻo Vông A, xã Hiệp Lợi, thị xã NB, tỉnh Hậu Giang

7/ Ông Phạm Văn H6; Địa chỉ: ấp Xẻo Vông A, xã Hiệp Lợi, thị xã NB, tỉnh Hậu Giang

8/ Ông Đàm Hữu H6; Địa chỉ: ấp Xẻo Vông C, xã Hiệp Lợi, thị xã NB, tỉnh Hậu Giang

Người kháng cáo: Bà Mai Thị H3.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như S1u:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền đồng các nguyên đơn bà Lê Thị Y trình bày:

Nguồn gốc đất của hộ ông Lê Văn H1 do nhà nước cấp cho người có công với cánh mạng năm 1980, sử dụng ổn định đến năm 1999 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đến năm 2003 cấp đổi lại, diện tích: 13.133m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số XVA1 – 0099. Phần đất tranh chấp là một phần nhà bà Mai Thị H3 xây dựng nhà ở vào năm 1995 nằm trên phần đất kinh thủy lợi, ban đầu xây dựng nhà lá sửa chữa nhiều lần và đến năm 2012 xây dựng lại nhà kiên cố, khi xây dựng hộ ông H1 có ngăn cản, đối với vị trí nhà hiện tại khi bà H3 sửa lại có nới rộng ra thêm so với vị trí cũ. Phần đất trống diện tích 91,5m^2 trước đây là con mương hộ ông Lê Văn H1 sử dụng đi ruộng và đến năm 2015 thu hồi một phần nhà Văn hóa nên con mương đó bị lắp.

Phần đất 236,9m^2 gia đình bị đơn lấn chiếm nên yêu cầu bị đơn trả lại phần đất cho gia đình nguyên đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Mai Thị H3 có yêu cầu phản tố trình bày: Bà là bị đơn đồng thời đại diện ủy quyền ông Bùi Văn N2 và Bùi Thanh Đ1. Bà là con dâu của ông N2, vào năm 1995 bà có ra riêng và cha chồng ông Bùi Văn N2 có cho một phần đất là 2 líp bờ tre, khi đó bà xây dựng nhà lá ở trên phần đất đó cho đến nay khi ở sửa chữa nhiều lần năm 2012 xây dựng nhà kiên cố, vị trí nhà kiên cố cùng vị trí với các căn nhà trước đây do xung quanh trước lúc xây nhà là mương nên không thể nới ra được.

Lúc xây nhà và sửa chữa hộ ông H1 không ngăn cản, đến năm 2015 nhà nước thu hồi một phần làm Nhà văn hóa ấp Xẻo Vông A, xã Hiệp Lợi thì phát sinh tranh chấp. Trên phần nhà bà H3 đang ở chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đối với phần tranh chấp nhà và đất trống từ trước đến giờ do bà H3 sử dụng và trồng cây trái hộ ông H1 chưa sử dụng. Trên nhà hiện nay có bà H3 và con Bùi Thanh Đ1 đang ở. Lúc xây nhà 1995 ở đến nay có ông Phan Trung S1, bà Lê Thị B1, ông Bùi Tấn L4, ông Nguyễn Huy H5, ông Phạm Văn H6, ông Nguyễn Hữu N4 đều biết.

Nguyên đơn hộ ông Lê Văn H1 khởi kiện yêu cầu phá dỡ nhà và trả lại đất lấn chiếm tổng diện tích 236,9m^2 bà không đồng ý do nhà và đất trên bà H3 ở từ năm 1995 đến nay đồng thời bà có đơn yêu cầu phản tố yêu cầu Tòa án công nhận phần đất trên cho bà và yêu cầu được tiếp tục sử dụng phần đất trên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thị xã NB: Người đại diện ủy quyền bà Trịnh Thị Ngọc Diễm – chức vụ trưởng phòng Tài nguyên và môi trường thị xã NB trình bày: Ngày 24 tháng 12 năm 1999 Ủy ban nhân dân huyện Phụng Hiệp (nay Ủy ban nhân dân thị xã NB) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00388 cho hộ ông Lê Văn H1 đúng trình tự thủ tục và đúng đối tượng.

Những người làm chứng: ông Phan Trung S1, bà Lê Thị B1, ông Bùi Tấn L4, ông Nguyễn Huy H5, ông Phạm Văn H6, trình bày: Các ông ở xóm với bà H3, ông N2 và ông H1 các ông bà sinh sống từ nhỏ tới lớn và biết nguồn gốc đất tranh chấp giữa bà H3, ông N2 với hộ ông H1. Nguồn gốc đất căn nhà bà H3 đang ở do ông N2 cho vào năm 1995 lúc đó bà H3 xây dựng nhà và có sửa chữa nhiều lần đến năm 2012 xây dựng lại căn nhà kiên cố, đối với căn nhà hiện tại cùng vị trí với các căn nhà trước đây. Đối với phần đất trống tranh chấp trước đây là con mương sử dụng chung nhưng từ khi xây dựng nhà văn hóa vào năm 2015 đến nay đã rào lại không ai sử dụng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2018/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân thị xã NB, tỉnh Hậu Giang tuyên xử như S1u:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn ông Lê Văn H1, ông Bùi Hoàng T1, bà Lê Thị L1, bà Cao Thị H2. Buộc bà Mai Thị H3 trả cho ông Lê Văn H1, ông Bùi Hoàng T1, bà Lê Thị L1, bà Cao Thị H2 phần đất tổng diện tích 91,5m^2 tọa lạc tại ấp Xẻo Vông A, xã Hiệp Lợi, thị xã NB, tỉnh Hậu Giang có vị trí tiếp giáp như sau:

+ Chiều ngang giáp thửa 326 = 3,35m.
+ Chiều ngang thửa 327 = 4,08m.
+ Chiều dài giáp nhà văn hóa ấp Xẻo Vông A = 16,38m.
+ Chiều dài giáp thửa 326 = 14,60m.
+ Chiều dài giáp thửa 326 = 2,09m.
+ Chiều dài giáp kênh thủy lợi = 4,02m.
+ Chiều ngang giáp thửa 326 = 9,93m.
+ Chiều ngang giáp thửa 327 = 10,03m. (Có lược đồ kèm theo)

Các nguyên đơn ông Lê Văn H1, ông Bùi Hoàng T1, bà Lê Thị L1, bà Cao Thị H2 có trách nhiệm trả lại giá trị cây trồng gồm: Điều loại A: 01 cây; Chùm ruột loại A: 01 cây có giá trị 240.000 đồng (Hai trăm bốn chục ngàn đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Mai Thị H3. Công nhận phần đất tranh chấp tổng diện tích 145,4m^2 cho bà Mai Thị H3 vị trí tiếp giáp như sau:

+ Chiều ngang giáp thửa 326 = 5,28m + 4,99m = 10,27m.

+ Chiều ngang giáp thửa 326 = 9,93m.

+ Chiều dài giáp thửa 326 = 14,60m.

+ Chiều dài giáp kênh thủy lợi = 14,02m. (Có lược đồ kèm theo)

Kiến nghị Ủy ban nhân dân thị xã NB điều chỉnh một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do hộ ông Lê Văn H1 đứng tên cấp lại cho bà Mai Thị H3.

Ngày 10/12/2018, bà Mai Thị H3 có đơn kháng cáo với nội dung công nhận quyền sử dụng đất với diện tích 236,9m^2 và nhà ở đang sử dụng trên đất cho bà Mai Thị H3.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Mai Thị H3 rút một phần yêu cầu kháng cáo, cụ thể đối với phần đất tranh chấp (4a), (4b) theo Mảnh trích đo địa chính số 166 thì bà H3 chỉ yêu cầu công nhận phần đất có chiều ngang 2 mét tính từ phần đất đã công nhận cho bà, diện tích còn lại bà không yêu cầu.

Ông Bùi Văn N2 và anh Bùi Thanh Đ1 có ý kiến là bà Mai Thị H3 được toàn quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của mình, đồng thời không có kháng cáo liên quan đến các quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn không có kháng cáo bản án sơ thẩm, thống nhất công nhận phần đất 145,4m^2 cho bà Mai Thị H3; Đối với phần đất 91,5m^2 nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị công nhận cho hộ ông Lê Văn H1.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các nguyên đơn ông Ngô Nhật L3 trình bày: Phần đất trống 91,5m^2 là phần đất của gia đình ông H1 sử dụng từ rất lâu, chỉ S1u khi Nhà nước làm nhà văn hóa con mương bị lấn chiếm thì bị đơn mới chiếm sử dụng. Phần đất này đã được cấp giấy cho gia đình ông H1 và đại diện của Ủy ban nhân dân thị xã NB đã trình bày là việc cấp giấy đúng trình tự theo qui định của pháp luật; Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Mai Thị H3, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng qui định của pháp luật tố tụng. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

S1u khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Phần đất tranh chấp theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có diện tích là 236,9m^2; Trong đó có 145,4m^2, gồm phần (3a) và (4) trên Mảnh trích đo địa chính số 166 ngày 01/11/2018 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Hậu Giang cấp sơ thẩm công nhận cho bà Mai Thị H3, bị đơn đã rút lại 01 phần kháng cáo liên quan đến phần đất có diện tích 145,4m^2, đồng thời nguyên đơn không có kháng cáo và thống nhất công nhận phần đất này cho bà Mai Thị H3 nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét. Quyết định liên quan đến

phần đất có diện tích 145,4m^2 có hiệu L4 pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[2] Đối với phần đất tranh chấp 91,5m^2 được ghi chú là (4a), (4b) trên Mảnh trích đo địa chính số 166 ngày 01/11/2018 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Hậu Giang; Phần đất này theo nguyên đơn trình bày, là con mương được gia đình nguyên đơn sử dụng và có cho các hộ lân cận sử dụng để đi lại, tuy nhiên, khi cất nhà văn hóa thì cát bị tràn qua con mương làm cho con mương bị lạng, từ đó trở về S1u phần đất này để trống. Bị đơn bà Mai Thị H3 kháng cáo cho rằng phần đất 91,5 m^2 có một phần diện tích từ vách nhà bị đơn đo ra 02 mét là phần đất bị đơn đã sử dụng ổn định nên kháng cáo yêu cầu công nhận cho bị đơn; phần diện tích còn lại không phải của nguyên đơn là phần đất công cộng, bị đơn không đồng ý trả cho nguyên đơn mà phải được sử dụng chung. Hội đồng xét xử xét thấy, bị đơn trình bày một phần trong diện tích 91,5 m^2 là của ông N2 cho bà và cũng cho rằng phần còn lại là đất công cộng nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh lời trình bày của mình. Trong khi đó phần đất ông N2 và ông H1 đăng ký quyền sử dụng cùng thời điểm, ông N2 cũng không đăng ký phần đất này; Căn cứ vào Mảnh trích đo địa chính số 166 ngày 01/11/2018 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Hậu Giang, thì phần đất bị đơn kháng cáo có diện tích 91,5 m^2 thuộc một phần thửa 326 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp cho hộ ông Lê Văn H1. Người có quyền lợi, N4 vụ liên quan Ủy ban nhân dân thị xã NB, người đại diện theo ủy quyền là bà Trịnh Thị Ngọc Diễm – chức vụ Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường thị xã NB trình bày thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê Văn H1 đúng trình tự thủ tục và đúng đối tượng.

[3] Từ những phân tích nêu trên cho thấy toàn bộ diện tích 91,5 m^2 thuộc quyền sử dụng đất của hộ ông Lê Văn H1. Cấp sơ thẩm công nhận cho nguyên đơn là có cơ sở. Xét thấy quan điểm của Trợ giúp viên và đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Mai Thị H3.

Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Đây là vụ án tranh chấp có liên quan đến quyền sử dụng đất, cấp sơ thẩm xác định thuộc trường hợp án phí có giá ngạch là chưa phù hợp nên Hội đồng xét xử phúc thẩm có sự điều chỉnh lại.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Mai Thị H3 phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 308, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 100 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban thường vụ Quốc hội về qui định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Mai Thị H3.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Mai Thị H3.

Sửa bản án sơ thẩm về phần án phí.

Tuyên xử:

1/ Công nhận phần đất có diện tích 145,4m^2 cho bà Mai Thị H3 được ghi chú (3a) và (4) theo Mảnh trích đo địa chính số 166/TT.KTTN&MT ngày 01/11/2018 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Hậu Giang.

(Có sơ đồ, bản vẽ kèm theo)

2/ Công nhận phần đất có diện tích 91,5m^2 cho nguyên đơn ông Lê Văn H1, ông Bùi Hoàng T1, bà Lê Thị L1, bà Cao Thị H2 được ghi chú là (4a), (4b) theo Mảnh trích đo địa chính số 166/TT.KTTN&MT ngày 01/11/2018 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Hậu Giang.

(Có sơ đồ, bản vẽ kèm theo)

Kiến nghị Ủy ban nhân dân thị xã NB điều chỉnh một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 145,4m^2 theo Mảnh trích đo địa chính số 166/TT.KTTN&MT ngày 01/11/2018 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Hậu Giang thuộc một phần thửa 326 đã được cấp cho hộ ông Lê Văn H1 đứng tên cấp lại cho bà Mai Thị H3.

3/ Ông Lê Văn H1, ông Bùi Hoàng T1, bà Lê Thị L1, bà Cao Thị H2 có trách nhiệm trả cho bà Mai Thị H3 240.000 đồng (Hai trăm bốn mươi nghìn đồng) tiền giá trị cây trồng. Ông Lê Văn H1, ông Bùi Hoàng T1, bà Lê Thị L1, bà Cao Thị H2 được quyền sở hữu các cây trồng trên đất.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực thi hành (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4/ Chi phí tố tụng (lệ phí đo đạc, thẩm định tại chỗ, định giá, trích lục):

- Tại cấp sơ thẩm: Ông Lê Văn H1, ông Bùi Hoàng T1, bà Lê Thị L1, bà Cao Thị H2 phải chịu 2.579.212 đồng (Hai triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn hai trăm mười hai đồng). Ông Lê Văn H1, ông Bùi Hoàng T1, bà Lê Thị L1, bà Cao Thị H2 đã nộp xong. Bà Mai Thị H3 phải chịu 1.289.000 đồng (Một triệu hai trăm tám mươi chín nghìn đồng). Bà Mai Thị H3 có trách nhiệm nộp lại để hoàn trả cho ông Lê Văn H1, ông Bùi Hoàng T1, bà Lê Thị L1, bà Cao Thị H2.

- Tại cấp phúc thẩm: 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), bà Mai Thị H3 phải chịu. Bà H3 đã nộp xong.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lê Văn H1, ông Bùi Hoàng T1, bà Lê Thị L1, bà Cao Thị H2 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 360.000 đồng (Ba trăm sáu mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã đóng theo Biên lai số 0014987 ngày 10/01/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã NB, tỉnh Hậu Giang. Ông Lê Văn H1, ông Bùi Hoàng T1, bà Lê Thị L1, bà Cao Thị H2 được nhận lại 60.000 đồng (Sáu mươi nghìn đồng).

- Bà Mai Thị H3 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã đóng theo Biên lai số 0019009 ngày 02/11/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã NB, tỉnh Hậu Giang. Bà H3 đã nộp xong án phí.

6/ Về án phí dân sự phúc thẩm: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), bà Mai Thị H3 phải chịu, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã đóng theo Biên lai số 0019023 ngày 10/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã NB, tỉnh Hậu Giang. Bà H3 đã nộp xong.

Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu L4 pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu L4 pháp luật kể từ ngày tuyên án 26/7/2019.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**